

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HS-ST
Ngày 24-01-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung;

Ông Nguyễn Mai Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/HSST-QĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, đối với bị cáo:

Nguyễn N M, sinh năm 1981 tại Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Khởi Trung, xã Cầu Khởi, huyện Dương M Châu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc P (đã chết) và bà Trịnh Thị C (đã chết); tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 14 tháng 11 năm 1998, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 19 tháng 11 năm 1999, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo bị tạm giam từ ngày 05 tháng 6 năm 2021 đến nay, có mặt.

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; nơi cư trú: ấp Cầu Đôi, xã Lai Hưng, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Phạm Ngọc T, sinh năm 2000; nơi cư trú: ấp M Hưng, xã An M Bắc, huyện U M Thượng, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1970; nơi cư trú tại: tại khu phố 4, phường Tân Đ, thị xã B, tỉnh B vắng mặt.

2. Cửa hàng Kim N; địa chỉ: Quốc lộ 13, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh B D.

Người đại diện hợp pháp của cửa hàng Kim Ngân: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Quốc lộ 13, khu phố 4, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương là người đại diện pháp luật của cửa hàng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 03 tháng 6 năm 2021, Nguyễn N M đến làm thuê cho nhà của ông Nguyễn Văn H. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, M và ông H ngồi uống bia. Lúc này, ông H lấy tiền trong ví trả tiền bia. M nhìn thấy trong ví của ông H có nhiều tiền mệnh giá 500.000 đồng nên M nảy sinh ý định trộm tài sản của ông H để tiêu xài. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, M và ông H ngưng uống bia. Tại đây, M nhìn thấy chị Phạm Ngọc T và bà Đặng Thị A là vợ và mẹ vợ của ông H đang nằm trên võng trong chòi lá, còn ông H đang nằm ngủ trên giường trong nhà. Ông H để cái ví trong túi quần Jean cuộn lại ở đầu giường. Lợi dụng ông H đang ngủ say, M lén lút lấy ví rút lấy 6.500.000 đồng gồm 13 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng cất giấu vào trong túi quần rồi để ví vào vị trí cũ nhằm tránh bị phát hiện. Sau đó, M đi đến cãi nhau với bà A để kiếm cớ ra về rồi đến thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thuê phòng để ngủ. Đến sáng ngày 04 tháng 6 năm 2021, M sử dụng số tiền lấy trộm được đến cửa hàng mua bán xe gắn máy Kim Ngân hỏi mua được 01 xe mô tô hiệu DarLing màu đỏ biển số 61H5 – 2025 với giá 4.200.000 đồng. M tiêu xài cá nhân hết 1.250.000 đồng, số tiền còn lại là 1.050.000 đồng M cất giấu trong cốp xe mô tô hiệu DarLing màu đỏ biển số 61H5 – 2025.

Đến khoảng 15 giờ ngày 04 tháng 6 năm 2021, bà Phạm Ngọc T phát hiện ông H bị mất số tiền 16.500.000 đồng nên bà T trình báo Công an xã Lai Hưng. Sau đó, vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan CA sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng xử lý theo thẩm quyền. Quá trình điều tra, Cơ quan CA sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã thu giữ:

Số tiền 1.050.000 đồng trong cốp xe mô tô hiệu DarLing màu đỏ biển số 61H5 – 2025; 01 xe mô tô hiệu DarLing màu đỏ biển số 61H5 – 2025; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số 004914; 01 Giấy bán xe mô tô hiệu DarLing màu đỏ biển số 61H5 – 2025.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo M đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”.

Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Bản Cáo trạng số 73/CT-VKSBB ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn N M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn N M từ 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 1.050.000 đồng là tài sản bị cáo trộm của bị hại, Cơ quan cA sát điều tra đã trả lại cho bị hại ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Ngọc T. Đối với 01 xe mô tô hiệu DarLing màu đỏ biển số 61H5 – 2025 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số 004914 do bà Nguyễn Thị Gái đứng tên chủ sở hữu. Năm 2017, bà Nguyễn Thị Gái bán lại xe mô tô hiệu DarLing màu đỏ biển số 61H5 – 2025 cho bà Nguyễn Thị Hằng là chủ cửa hàng mua bán xe gắn máy Kim Ngân chưa thực hiện thay đổi chủ sở hữu. Sáng ngày 04 tháng 6 năm 2021, bà Hằng bán lại xe mô tô hiệu DarLing màu đỏ biển số 61H5 – 2025 cho bị cáo Nguyễn N M. Cơ quan cA sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng trả xe và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Hằng và giao trả 4.200.000 đồng cho bị hại H và T.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Ngọc T yêu cầu Nguyễn N M bồi thường thiệt hại số tiền 1.250.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến tranh luận.

Bị cáo M nói lời sau cùng: hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, bị cáo mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: khoảng 21 giờ cùng ngày 03 tháng 6 năm 2021, tại ấp Cầu Đôi, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, bị cáo lén lút lấy trộm của bị hại H và T số tiền 6.500.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, phù hợp với nội dung Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do đó, Cáo trạng truy tố bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Như vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất hành vi phạm tội, đủ để giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo như sau:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.3] Về nhân thân: Ngày 14 tháng 11 năm 1998, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 19 tháng 11 năm 1999, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

[5] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.500.000 đồng (nhận 5.250.000 đồng) còn số tiền 1.250.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 1.250.000 đồng cho bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 1.050.000 đồng là tài sản bị cáo trộm của bị hại nên Cơ quan cA sát điều tra đã trả lại cho bị hại ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Ngọc T là phù hợp quy định của pháp luật. Đối với 01 xe mô tô hiệu DarLing màu đỏ biển số 61H5 – 2025 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số 004914 do bà Nguyễn Thị Gái đứng tên chủ sở hữu. Năm 2017, bà Nguyễn Thị Gái bán lại xe mô tô hiệu DarLing màu đỏ biển số 61H5 – 2025 cho bà Nguyễn Thị Hằng là chủ cửa hàng mua bán xe gắn máy Kim Ngân chưa thực hiện thay đổi chủ sở hữu. Sáng ngày 04 tháng 6 năm 2021, bà Hằng bán lại xe

mô tô hiệu DarLing màu đỏ biển số 61H5 – 2025 cho bị cáo Nguyễn N M. Cơ quan cA sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng trả xe và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số 004914 cho bà Hằng và giao trả cho bị hại số tiền 4.200.000 đồng là phù hợp quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ các Điều 99, 292 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn N M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn N M 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 6 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn N M có trách nhiệm thanh toán cho bị hại Nguyễn Văn H và Phạm Ngọc T số tiền 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn N M chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa